TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9 - 2025
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Ông Nguyễn Thanh Cần.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lềnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1986; CCCD số: 038186013484; địa chỉ thường trú: Thôn A C, xã V, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ tạm trú: Tổ D, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976; CCCD số: 035076000346; địa chỉ thường trú: Thôn A C, xã V, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ tạm trú: Tổ D, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được hai gia đình đồng ý làm lễ cưới, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13, quyển số 01/2006 ngày 07/02/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi vã, không thể hòa hợp, đã nhiều lần cho nhau cơ hội nhưng không

thành nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Lê Hồng Á, sinh ngày 12/5/2006. Đối với con chung tên Trần Lê Hồng Á, sinh ngày 12/5/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Việt A. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiên nay, bà H làm quản lý công ty S thu nhập khoảng 15 triệu/tháng nên bà H xác định đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận bên ngoài, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được hai gia đình đồng ý làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình) theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2006 ngày 07/02/2006. Từ khi chung sống, hai vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn gì, do bà H đi làm Công ty mà các ngày chủ nhật đi làm về khuya khi ông T điện thoại hỏi lý do về khuya thì bà H nói còn làm việc này, việc kia về muộn nên hai vợ chồng nói qua, nói lại dẫn đến có cãi vã nhau nên ông T nghi ngờ bà H có quan hệ với người khác bên ngoài. Vì vậy, ông T có đến Công ty bà H làm việc để hỏi và được biết là bà H cặp với người đàn ông bỏ vợ, từ tháng 10/2024 bà H chuyển ra ngoài sinh sống nên hai vợ chồng ly thân đến nay. Tuy nhiên, hiện nay ông T xác định vẫn còn yêu thương bà H và các con cũng không mong muốn cha mẹ ly hôn. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Lê Hồng Á, sinh ngày 12/5/2006. Đối với con chung tên Trần Lê Hồng Á, sinh ngày 12/5/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì đối với con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 03/9/2014 đề nghị Tòa án giải quyết theo ý kiến của cháu. Trường hợp Tòa án giao con chung Trần Việt A, sinh ngày 03/9/2014 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì về cấp dưỡng ông T không có ý kiến. Hiện nay, ông T làm công nhân của Công ty T1, thu nhập 15 triệu/tháng nên ông T xác định đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Trần Văn T có nơi cư trú địa chỉ: Tổ D, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13, quyển số 01/2006 ngày 07/02/2006. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Lê Thị H và ông Trần Văn T trình bày thừa nhận, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên lớn tiếng cãi vã với nhau. Ông T xác định vợ chồng có mẫu thuẫn, ông T nghi ngờ bà H có quan hệ với người khác bên ngoài. Bà H xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2022, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi vã, không thể hòa hợp, vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội nhưng không thành và hiện tại hai vợ chồng đa ly thân.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc và dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông T đến Tòa án tham gia hòa giải, phiên tòa nhưng bị đơn không lên, cho thấy bị đơn không quan tâm và không mong muốn

vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để xây dựng gia đình cùng nhau chăm sóc con cái. Do đó, lời trình bày cũng như yêu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 03/9/2014 và Trần Lê Hồng Á, sinh ngày 12/5/2006. Đối với con chung tên Trần Lê Hồng Á, sinh ngày 12/5/2006 đã trưởng thành nên nguyên đơn và bị đơn đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Việt A. Ông T xác định trường hợp ly hôn thì yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con theo ý kiến của cháu Trần Việt A.

Xét thấy, theo biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng con chung cháu Trần Việt A nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà H. Hiện nay, bà H làm quản lý Công ty giày da thu nhập hàng tháng khoảng 15 triệu đồng. Cháu Trần Việt A hiện nay đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, chu đáo của người mẹ nên Hội đồng xét xử có căn cứ giao cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Việt A, sinh ngày 03/9/2014. Đối với con chung tên Trần Lê Hồng Á, sinh ngày 12/5/2006 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002847 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã V, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cảnh Khang